

Số: 2003 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 05 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp, di dời mồ mả cho các hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn (đợt 21)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019; Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 và Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sơ bộ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng do thu hồi đất để phục vụ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị Long Vân 1;

Căn cứ Quyết định số 4922/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất Dự án: Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để lập phương án bồi thường, GPMB dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tại Tờ trình số 112/TTr-TTPTQĐ ngày 24/5/2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 626/TTr-STNMT ngày 04/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp, di dời mồ mã cho các hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng (GPMB) để thực hiện dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn (đợt 21), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **2.878.072.000 đồng** (Hai tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 2.821.639.000 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 56.433.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 5.643.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 3.950.000 đồng).

(Chi tiết như Phụ lục số 01, 02 kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Nguồn vốn ứng trước của Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt tại Điều 1 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND P. Bùi Thị Xuân;
- UBND P. Trần Quang Diệu;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K4, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THU HỒI ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHO CÁC HỘ DÂN, TỔ CHỨC BỊ ẢNH HƯỞNG DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN TRUNG TÂM TRÍ TUỆ NHÂN TẠO - ĐÔ THỊ PHỤ TRỢ TẠI PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU VÀ PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 21)
 (Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất nông nghiệp											Giá trị BT, HT (đồng)
			Diện tích đất bị thu hồi				Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)							
			Tổng diện tích thu hồi	Bồi thường đất nông nghiệp	Hỗ trợ bằng mức bồi thường đất nông nghiệp	Đất không bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường đất nông nghiệp	Hỗ trợ bằng mức bồi thường	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khác bằng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề	Cây cối, hoa màu	Vật kiến trúc	Hỗ trợ ổn định đời sống	
1	Hộ ông Mai Kim Chi (chết), con Mai Thị Tuyết Nhung (ĐDKK)	Tổ 5, KP 4, P. Trần Quang Diệu	124,5	124,5			20.268.600		55.278.000		560.250		17.622.000	93.729.000
2	Hộ ông Nguyễn Thành, con Nguyễn Hữu Phúc (ĐDKK)	Tổ 5, KP 4, P. Trần Quang Diệu	473,8	473,8			77.134.640		210.367.200		735.000			288.237.000
3	ông Bùi Ngọc Phú	Tổ 5, KP 4, P. Trần Quang Diệu	52,2		52,20			8.498.160			409.500			8.908.000
4	Hộ ông Nguyễn Luận	Tổ 2, KP 2, P. Trần Quang Diệu	1.855,4	1.855,40			302.059.120			823.797.600	62.826.725	132.387.438		1.321.071.000
5	Huỳnh Ngọc Thọ (chết), con Huỳnh Văn Khiêm ĐDKK	Tổ 7, KP 8, P. Trần Quang Diệu	183,3			183,30					280.000			280.000
6	Hộ ông Nguyễn Chờ (chết), con Nguyễn Thị Thu Thủy (ĐDKK)	Tổ 10, KP 2, P. Trần Quang Diệu								449.683.200				449.683.000
7	ông Nguyễn Hữu Ánh	Tổ 2, KP 4, P. Trần Quang Diệu									2.644.650			2.645.000
8	UBND phường Trần Quang Diệu	287 Lạc Long Quân, TP. Quy Nhơn	23.487,7		587,70	22.900,00		95.677.560						95.678.000
A	Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp													2.260.231.000
B	Giá trị BT, HT di dời mồ mã (Theo Phụ lục số 02)													561.408.000
C	Tổng Giá trị bồi thường, hỗ trợ (A) + (B)													2.821.639.000
D	Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%)													56.433.000
E	Tổng cộng													2.878.072.000

Phụ lục số 02

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DI DỜI MỎ MẢ CHO CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ XÂY DỰNG DỰ ÁN TRUNG TÂM TRÍ TUỆ NHÂN TẠO - ĐÔ THỊ PHỤ TRỢ TẠI PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU VÀ PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 21)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Số lượng mộ di dời							Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				Chi chú	
			Mộ đất	Mộ xây						Cộng	Bồi thường di dời mỏ mả	Vật kiến trúc	Hỗ trợ di chuyển mỏ mả		Giá trị BT, HT (đồng)
				B1	B2	B3	B4	B5	B6						
1	Trần Thỏa	Tổ 2, KV4, P. Trần Quang Diệu			1				1	27.423.429	2.900.780	500.000	30.824.000		
2	Phan Văn Anh	Tổ 2, KV4, P. Trần Quang Diệu						1	1	42.034.286	450.560	500.000	42.985.000		
3	Phan Văn Hải	Tổ 10, KV2, P. Trần Quang Diệu						1	1	46.894.500	295.680	500.000	47.690.000		
4	Trần Đức Cường	Tổ 8, KV4, P. Trần Quang Diệu	1						1	2	88.235.385	9.364.922	1.000.000	98.600.000	
5	Phạm Thị Ngà	Tổ 2, KV4, P. Trần Quang Diệu							2	2	114.895.385	7.245.580	1.000.000	123.141.000	
6	Nguyễn Văn Bửu	Tổ 2, KV4, P. Trần Quang Diệu							1	1	45.360.000	7.949.480	500.000	53.809.000	
7	Phạm Văn Quang	Tổ 4, KV4, P. Trần Quang Diệu	2			1				3	26.715.385	5.517.380	1.500.000	33.733.000	
8	Lê Văn Bốn	Tổ 8, KV4, P. Trần Quang Diệu	1							1	2.500.000	615.730	500.000	3.616.000	
9	Trần Văn Huệ	Tổ 5, KV4, P. Trần Quang Diệu	1		1	1				4	100.401.896	14.546.060	2.000.000	116.948.000	
10	Nguyễn Tấn Luân	Tổ 9, KV4, P. Trần Quang Diệu		2						2	9.062.000		1.000.000	10.062.000	
Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ													561.408.000		

